

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NĐ
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 201/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 05-5-2025

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa
chị Trần Thị Trà M và anh Trần Văn N

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NĐ - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Thắng

Bà Trần Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thu Hằng – Thư ký Toà án nhân dân thành phố NĐ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NĐ tham gia phiên tòa: Bà Vũ Quỳnh Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố NĐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 135/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17-4-2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25-4-2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Trà M, sinh năm 2000; số căn cước công dân: 03630002235; nơi cư trú: Số nhà 4 đường NT, phường LH, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Văn N, sinh năm 1997; số căn cước công dân: 036097005795; nơi cư trú: Số nhà 223 đường THT, phường MX, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ghi ngày 02-4-2025 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Trần Thị Trà M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường MX, thành phố NĐ vào ngày 05-9-

2023. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính cách của hai vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thống nhất được với nhau về cách chăm sóc con cái, không san sẻ với nhau công việc gia đình, vì thế vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Từ tháng 3-2025 đến nay, chị và anh Trần Văn N sống ly thân, không quan tâm, không chăm sóc nhau. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Trần Văn N.

Về con chung: Chị và anh Trần Văn N có 01 con chung là Trần Thanh Cát T (giới tính: Nữ), sinh ngày 20-10-2023. Nếu ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cháu Trần Thanh Cát T cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị và anh Trần Văn N tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn là anh Trần Văn N đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án để viết bản tự khai; không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham gia phiên tòa.

5. Tại Biên bản thu thập chứng cứ ngày 10-4-2025, chính quyền địa phương nơi anh Trần Văn N cư trú cung cấp: Chị Trần Thị Trà M và anh Trần Văn N là vợ chồng, có đăng ký kết hôn ngày 05-9-2023 tại Ủy ban nhân dân phường MX, thành phố ND. Chị M và anh N có 01 con chung là Trần Thanh Cát T (giới tính: Nữ), sinh ngày 20-10-2023. Quá trình chung sống chị M và anh N có xảy ra mâu thuẫn, hiện nay anh chị đã sống ly thân, anh N vẫn sinh sống tại số 223 đường Tô Hiến Thành, phường MX, thành phố ND. Nguyên nhân mâu thuẫn thì chính quyền địa phương không biết chính xác, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

6. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố ND, tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng người tham gia tố tụng; thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, Viện kiểm sát quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm báo cáo, các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 68, 69, 70, 71 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Trà M.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Giao cháu Trần Thanh Cát T cho chị Trần Thị Trà M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Trà M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Quan hệ tranh chấp:*

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 20-3-2025 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Trần Thị Trà M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Trần Văn N và giải quyết việc nuôi con chung giữa chị và anh N, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Bị đơn là anh Trần Văn N không có yêu cầu phản tố. Do vậy quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:*

Bị đơn là anh Trần Văn N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần 2; chị Trần Thị Trà M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt nguyên đơn là chị Trần Thị Trà M và bị đơn là anh Trần Văn N.

[3] *Về nội dung tranh chấp trong vụ án:*

3.1. *Về quan hệ hôn nhân:*

Chị Trần Thị Trà M và anh Trần Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường MX, thành phố ND vào ngày 05-9-2023. Như vậy, hôn nhân giữa chị Trần Thị Trà M và anh Trần Văn N là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, theo lời trình bày của chị Trần Thị Trà M và cung cấp của chính quyền địa phương nơi anh Trần Văn N cư trú thì vợ chồng chị M và anh N có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, chị Trần Thị Trà M trình bày do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thống nhất được với nhau

về cách nuôi dạy con và vợ chồng không san sẻ với nhau công việc trong gia đình, từ tháng 3-2025 vợ chồng sống ly thân. Xét thấy, hôn nhân giữa chị Trần Thị Trà M và anh Trần Văn N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Trà M: Xử lý hôn giữa chị Trần Thị Trà M và anh Trần Văn N theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2. Về nuôi con:

Chị Trần Thị Trà M và anh Trần Văn N có 01 con chung là Trần Thanh Cát T (giới tính: Nữ), sinh ngày 20-10-2023, số định danh cá nhân: 036323012800. Chị Trần Thị Trà M đề nghị Tòa án giao cháu Trần Thanh Cát T cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy: Cháu Trần Thanh Cát T hiện dưới 36 tháng tuổi, chị Trần Thị Trà M có đủ điều kiện nuôi con; vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Trần Thanh Cát T cho chị Trần Thị Trà M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau khi vợ chồng ly hôn là phù hợp với quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Trà M tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng:

Chị Trần Thị Trà M và anh Trần Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Án phí ly hôn sơ thẩm:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV: Chị Trần Thị Trà M là nguyên đơn nên phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị Trần Thị Trà M đã nộp được khấu trừ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV;

1. Xử lý hôn giữa chị Trần Thị Trà M và anh Trần Văn N.

2. Về nuôi con:

- Giao cháu Trần Thanh Cát T (giới tính: Nữ), sinh ngày 20-10-2023; số định danh cá nhân: 036323012800 cho chị Trần Thị Trà M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Trà M tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con chung.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị Trà M phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị Trần Thị Trà M đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002704 ngày 28-3-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố ND.

5. Chị Trần Thị Trà M và anh Trần Văn N được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự: Chị Trần Thị Trà M và anh Trần Văn N có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố ND;
- Chi cục Thi hành án thành phố ND;
- UBND phường MX, thành phố ND (GCNKH số 55, ngày 05-9-2023);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Mai Anh